

**Superior Court of Washington
For Pierce County**

**TÒA THƯỢNG THẨM TIỂU BANG
WASHINGTON TẠI QUẬN PIERCE**

State of Washington

****Tiểu Bang Washington** _____,

Plaintiff/** Nguyên đơn

vs./**truy tố

Defendant/** Bị can

No.

Vụ số:

**Statement of Defendant on Plea of
Guilty to Sex Offense
(STTDFG)**

****TỜ KHAI CỦA BỊ CAN VỀ VIỆC NHẬN
TỘI LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH DỤC**

1. My true name is: _____.
**Tên thật của tôi là: _____.

2. My age is: _____.
**Tuổi tôi là: _____.

3. The last level of education I completed was _____.
**Trình độ học vấn cao nhất tôi đã hoàn tất là: _____.

4. **I Have Been Informed and Fully Understand That:**
****Tôi đã được thông báo và hiểu rõ hoàn toàn rằng:**

(a) I have the right to representation by a lawyer and that if I cannot afford to pay for a lawyer, one will be provided at no expense to me. My lawyer's name is: _____.
**Tôi có quyền được luật sư biện hộ và nếu tôi không có tiền để trả cho luật sư thì sẽ có một luật sư được chỉ định cho tôi mà tôi không phải mất tiền. Luật sư của tôi tên là:
_____.

(b) I am charged with the crime(s) of: _____

as set out in the _____ Information, dated, _____, a copy of which I hereby acknowledge previously receiving and reviewing with my lawyer. _____
(Defendant's initials)

The elements of [] this crime [] these crimes are as set out in the _____ Information, dated _____ a copy of which I hereby acknowledge previously receiving and reviewing with my lawyer. _____
(Defendant's initials)

_____ Additional counts are addressed in Attachment "B"

**Tôi bị ghép (những) tội _____
theo đã ghi trong cáo trạng _____, đề ngày _____, tôi có nhận một bản sao này và đã xem qua với luật sư của tôi. _____
(Chữ ký tắt của bị can)

Các yếu tố của [] tội này, [] những tội này được ghi rõ trong giấy thông báo tội danh _____ đề ngày _____, và nay tôi công nhận đã nhận được một bản sao và xem qua giấy đó cùng với luật sư của tôi. _____
(Chữ ký tắt của bị can)

_____ Có thêm các khoản tội trong Phụ Lục "B"

5. I Understand I Have the Following Important Rights, and I Give Them Up by Pleading Guilty:

****Tôi hiểu rằng tôi có những quyền quan trọng sau, và rằng tôi từ bỏ tất cả những quyền này khi nhận tội:**

- (a) The right to a speedy and public trial by an impartial jury in the county where the crime is alleged to have been committed
**Quyền được có một phiên xử nhanh chóng và công khai trước một bồi thẩm đoàn không thiên vị tại quận nơi sự việc đã xảy ra.
- (b) The right to remain silent before and during trial, and the right to refuse to testify against myself;
**Quyền được im lặng trước và trong khi xử, và quyền được từ chối khai báo những gì có thể dùng để buộc tội tôi.
- (c) The right at trial to hear and question the witnesses who testify against me;
**Quyền được chất vấn các nhân chứng khai trước tòa để buộc tội tôi.
- (d) The right at trial to testify and to have witnesses testify for me. These witnesses can be made to appear at no expense to me;
**Quyền được đưa ra lời khai trong phiên xử và mang nhân chứng ra tòa để khai giúp cho tôi. Những nhân chứng này được mời ra tòa không phải do tôi đài thọ.
- (e) The right to be presumed innocent unless the State proves the charge beyond a reasonable doubt or I enter a plea of guilty;
**Quyền được xem là người vô tội trừ khi khoản tội ghép cho tôi đã được chứng minh không còn lý do hợp lý nào để nghi ngờ nữa, hoặc trừ khi tôi tự nhận tội.

- (f) The right to appeal a finding of guilt after a trial as well as other pretrial motions such as time for trial challenges and suppression issues.
 **Quyền chống án sau khi bị kết án trong một phiên xử, cũng như chống lại các kiến nghị trước khi xử, ví dụ như thời gian xử án hay các vấn đề loại bỏ bằng chứng.

6. **In Considering the Consequences of My Guilty Plea, I Understand That:**

****Khi cân nhắc các hậu quả trong việc nhận tội, tôi hiểu rằng:**

- (a) Each crime with which I am charged carries a maximum sentence, a fine, and a **Standard Sentence Range** as follows:
 Mỗi tội đang ghép cho tôi có mức phạt tù và phạt tiền tối đa cũng như **Thời Hạn Bản Án Chuẩn như sau:

COUNT NO.	OFFENDER SCORE	STANDARD RANGE ACTUAL CONFINEMENT (not including enhancements)	PLUS Enhancements*	TOTAL ACTUAL CONFINEMENT (standard range including enhancement)	COMMUNITY CUSTODY (Only applicable for crimes committed on or after July 1, 2000. For crimes committed prior to July 1, 2000 see paragraph 6(f).)	MAXIMUM TERM AND FINE
1						
2						
3						

* The sentencing enhancement codes are: (RPh) Robbery of a pharmacy, (CSG) Criminal street gang involving minor, (AE) Endangerment while attempting to elude. The following enhancements will run consecutively to all other parts of my entire sentence, including other enhancements and other counts: (F) Firearm, (D) Other deadly weapon, (SM) Sexual Motivation, RCW 9.94A.533(8), (SCF) Sexual conduct with a child for a fee, RCW 9.94A.533(9), (P16) Passenger(s) under age 16.

TỘI SỐ	SỐ ĐIỂM CỦA BỊ CÁN	THỜI HẠN BẢN ÁN CHUẨN THỜI GIAN THỰC SỰ Ở TÙ (không kể các gia tăng)	THÊM gia tăng*	TỔNG SỐ THỜI GIAN THỰC SỰ Ở TÙ (thời hạn bản án chuẩn cộng thêm thời gian gia tăng)	THỜI HẠN BỊ QUẢN CHẾ (Chỉ áp dụng cho các tội phạm vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2000. Đối với những tội phạm trước ngày 1 tháng 7 năm 2000, xem đoạn 6(f).)	THỜI GIAN TÙ VÀ TIỀN PHẠT TỐI ĐA
1						
2						
3						

**Các mã về bản án có gia tăng là: (RPh) cướp tiệm thuốc tây, (CSG) băng đảng đường phố có trẻ vị thành niên, (AE) gây nguy hại trong khi chạy trốn. Các gia tăng sau đây sẽ được thụ án nối tiếp theo tất cả những phần khác của bản án, bao gồm các gia tăng và tội trạng khác: (F) có súng, (D) các vũ khí khác có thể gây thiệt mạng, (SM) động lực tình dục, RCW 9.94A.533(8), (SCF) có hành vi tình dục với trẻ con phải trả tiền, RCW 9.94A.533(9), (P16) có (những) người trong xe dưới 16 tuổi.

- (b) The standard sentence range is based on the crime charged and my criminal history. Criminal history includes prior convictions and juvenile adjudications or convictions, whether in this state, in federal court, or elsewhere.
**Thời hạn bản án tiêu chuẩn được căn cứ trên tội bị ghép và hồ sơ tiền án của tôi. Hồ sơ tiền án gồm những lần bị kết án trước và những lần bị xét xử hay kết án khi còn vị thành niên, kể cả ở tòa liên bang, tại tiểu bang này hay tiểu bang khác.
- (c) The prosecuting attorney's statement of my criminal history is attached to this statement. Unless I have attached a different statement, I agree that the prosecuting attorney's statement is correct and complete. If I have attached my own statement, I assert that it is correct and complete. If the prosecutor and I disagree about the computation of the offender score, I understand that this dispute will be resolved by the court at sentencing. I waive any right to challenge the acceptance of my guilty plea on the grounds that my offender score or standard range is lower than what is listed in paragraph 6(a). If I am convicted of any additional crimes between now and the time I am sentenced, I am obligated to tell the sentencing judge about those convictions.
**Hồ sơ tiền án của tôi từ phòng biện lý được kèm theo tờ nhận tội này. Trừ khi tôi có một hồ sơ nào khác, tôi đồng ý là hồ sơ từ phòng biện lý là đúng và đầy đủ. Nếu tôi có đính kèm hồ sơ tiền án riêng, tôi cam đoan là hồ sơ của tôi là đúng và đầy đủ. Nếu tôi và biện lý không đồng ý về việc tính điểm cho bị can, tôi hiểu rằng sự bất đồng này sẽ được tòa án giải quyết khi kêu án. Tôi từ bỏ quyền phản đối việc tòa án chấp nhận lời nhận tội của tôi vì lý do điểm của tôi hoặc thời hạn bản án tiêu chuẩn lẽ ra phải thấp hơn các con số ghi trong đoạn 6(a). Nếu tôi bị kết án về bất cứ các tội nào khác từ hôm nay đến ngày kêu án, tôi có nhiệm vụ phải báo cho vị chánh án kêu án tôi về những bản án đó.
- (d) If I am convicted of any new crimes before sentencing, or if any additional criminal history is discovered, both the standard sentence range and the prosecuting attorney's recommendation may increase. Even so, my plea of guilty to this charge is binding on me. I cannot change my mind if additional criminal history is discovered even though the standard sentencing range and the prosecuting attorney's recommendation increase or a mandatory sentence of life imprisonment without the possibility of parole is required by law.
**Nếu tôi bị kết án thêm tội nào khác trước ngày kêu án, hoặc nếu người ta phát hiện thêm tội khác trong hồ sơ tiền án, thời hạn bản án tiêu chuẩn và sự đề nghị của biện lý có thể gia tăng. Dù có như thế thì tôi cũng không được rút lại lời nhận tội của tôi. Tôi không được đổi ý nếu có thêm tội trạng trong hồ sơ tiền án, ngay cả khi điều đó dẫn đến việc gia tăng thời hạn của bản án tiêu chuẩn và sự đề nghị của biện lý, hay bản án sẽ là bản án tù chung thân mà không có khả năng được tha tù sớm theo luật.
- (e) In addition to sentencing me to confinement, the judge will order me to pay \$500.00 as a victim's compensation fund assessment and any mandatory fines or penalties that apply to my case. If this crime resulted in injury to any person or damage to or loss of property, the judge will order me to make restitution, unless extraordinary circumstances exist which make restitution inappropriate. The amount of restitution may be up to double my gain or double the victim's loss. The judge may also order that I pay a fine, court costs, attorney fees and the costs of incarceration.
**Ngoài việc ra án tù, tòa án sẽ buộc tôi trả \$500.00 vào quỹ bồi thường nạn nhân cộng với bất cứ lệ phí hoặc tiền phạt bắt buộc nào áp dụng cho vụ án của tôi. Nếu vụ này có gây thương tích cho bất cứ ai hay có làm hư hại, mất mát tài sản, tòa án sẽ buộc tôi trả tiền bồi

thường, trừ khi có trường hợp ngoại lệ và việc bồi thường không còn thích hợp. Số tiền bồi thường có thể lên đến gấp đôi số tiền tôi đã kiếm được hoặc gấp đôi số tiền nạn nhân bị mất. Tòa cũng có thể buộc tôi phải đóng tiền phạt, lệ phí tòa án, tiền luật sư và phí tổn giam giữ.

- (f) **For sex offenses committed prior to July 1, 2000:** In addition to sentencing me to confinement, the judge may order me to serve up to one year of community custody if the total period of confinement ordered is not more than 12 months. If the period of confinement is more than one year, the judge will order me to serve three years of community custody or up to the period of earned early release, whichever is longer. During the period of community custody, I will be under the supervision of the Department of Corrections, and I will have restrictions and requirements placed upon me.

****Đối với những tội liên quan đến tình dục đã phạm trước ngày 1 tháng 7 năm 2000:**

Ngoài việc ra án tù, tòa có thể ra lệnh quản chế đến một năm nếu tổng số thời gian ở tù không quá 12 tháng. Nếu thời gian ở tù hơn 12 tháng. Nếu thời gian ở tù lâu hơn một năm, tòa sẽ ra lệnh quản chế ba năm hay bằng với thời gian được thả sớm vì hạnh kiểm tốt, tùy theo thời gian nào lâu hơn. Trong thời gian bị quản chế, tôi phải chịu sự giám sát của Sở Cảnh Huấn và phải tuân theo các giới hạn và yêu cầu của Sở.

For sex offenses committed on or after July 1, 2000 but prior to September 1, 2001: In

addition to sentencing me to confinement, the judge may order me to serve up to one year of community custody if the total period of confinement ordered is not more than 12 months. If the period of confinement is over one year, the judge will sentence me to community custody for 36 months or up to the period of earned release, whichever is longer. During the period of community custody to which I am sentenced, I will be under the supervision of the Department of Corrections, and I will have restrictions and requirements placed upon me.

*****Đối với những tội có liên quan đến tình dục đã phạm vào ngày ay sau ngày 1**

tháng 7, 2001 nhưng trước ngày 1 tháng 9, 2001: Ngoài việc ra án tù, tòa có thể ra lệnh quản chế đến một năm nếu tổng số thời gian ở tù không quá 12 tháng. Nếu thời gian ở tù lâu hơn một năm, tòa sẽ ra lệnh quản chế là 36 tháng hay bằng với thời gian được thả sớm vì hạnh kiểm tốt, tùy theo thời gian nào lâu hơn. Trong thời gian bị quản chế, tôi phải chịu sự giám sát của Sở Cảnh Huấn và phải tuân theo các giới hạn và yêu cầu của Sở.

For sex offenses committed on or after September 1, 2001: (i) Sentencing under RCW 9.94A.507: If this offense is any of the offenses listed in subsections (aa) or (bb), below, the judge will impose a maximum term of confinement consisting of the statutory maximum sentence of the offense and a minimum term of confinement either within the standard range for the offense or outside the standard range if an exceptional sentence is appropriate. The minimum term of confinement that is imposed may be increased by the Indeterminate Sentence Review Board if the Board determines by a preponderance of the evidence that it is more likely than not that I will commit sex offenses if released from custody. In addition to the period of confinement, I will be sentenced to community custody for any period of time I am released from total confinement before the expiration of the maximum sentence. During the period of community custody I will be under the supervision of the Department of Corrections and I will have restrictions and requirements placed upon me, which may include electronic monitoring, and I may be required to participate in rehabilitative programs.

****Đối với những tội liên quan đến tình dục đã phạm vào hoặc sau ngày 1 tháng 9,**

2001: (i) Ra án theo luật RCW 9.94A.507: Nếu tội này thuộc những loại tội ghi trong các đoạn (aa) hay (bb) dưới đây, tòa sẽ ra bản án bao gồm một mức phạt tù tối đa căn cứ vào thời hạn tối đa theo luật cho tội này và một mức phạt tù tối thiểu, có thể là trong giới hạn của bản án tiêu chuẩn cho tội này hay khác với bản án tiêu chuẩn khi cần có bản án ngoại lệ. Hội Đồng Tái Xét Bản Án Linh Hoạt có thể gia tăng thời gian ở tù tối thiểu của bản án nếu Hội Đồng thấy phần lớn bằng chứng là tôi có nhiều khả năng sẽ phạm tội về tình dục một khi được thả. Ngoài thời gian ở tù, tôi sẽ bị quản chế trong một thời hạn ấn định nếu tôi được thả sớm trước khi thi hành hết bản án tối đa. Trong thời gian bị quản chế, tôi phải chịu sự giám sát của Sở Cải Huấn và phải tuân theo các giới hạn và yêu cầu của Sở, có thể gồm cả việc theo dõi bằng điện tử, và tôi có thể phải tham gia những chương trình cải huấn hay điều trị.

(aa) If the current offense is any of these offenses or attempt to commit any of these offenses:

**Nếu tội phạm đang xét xử là một trong những tội sau hay mưu toan phạm một trong những tội sau:

Rape in the first degree	Rape in the second degree
Rape of a child in the first degree committed when I was at least 18 years old	Rape of a child in the second degree committed when I was at least 18 years old
Child molestation in the first degree committed when I was at least 18 years old	Indecent liberties by forcible compulsion
Any of the following offenses with a finding of sexual motivation:	
Murder in the first degree	Murder in the second degree
Homicide by abuse	Kidnapping in the first degree
Kidnapping in the second degree	Assault in the first degree
Assault in the second degree	Assault of a child in the first degree
Assault of a child in the second degree	Burglary in the first degree

Hiếp dâm bậc một	Hiếp dâm bậc hai
Hiếp dâm trẻ con bậc một xảy ra khi tôi từ 18 tuổi trở lên	Rape of a child in the second degree committed when I was at least 18 years old
Sờ mó trẻ con bậc một xảy ra khi tôi từ 18 tuổi trở lên	Cưỡng ép người khác có hành vi tình dục không đúng đắn
Bất cứ tội nào dưới đây nếu tòa xác nhận có ý đồ về tình dục:	
Cố sát bậc một	Cố sát bậc hai

Hành hung gây án mạng	Bắt cóc bậc một
Bắt cóc bậc hai	Hành hung bậc một
Hành hung bậc hai	Hành hung trẻ con bậc một
Hành hung trẻ con bậc hai	Vào nhà để phạm pháp bậc một

(bb) If the current offense is any sex offense and I have a prior conviction for any of these offenses or attempt to commit any of these offenses:

**Nếu tội phạm đang xét xử là tội có liên quan đến tình dục bất cứ dạng nào và tôi đã từng bị kết án một trong những tội sau, hay mưu toan phạm một trong những tội sau:

Rape in the first degree	Rape in the second degree
Rape of a child in the first degree	Rape of a child in the second degree
Child molestation in the first degree	Indecent liberties by forcible compulsion
Any of the following offenses with a finding of sexual motivation:	
Murder in the first degree	Murder in the second degree
Homicide by abuse	Kidnapping in the first degree
Kidnapping in the second degree	Assault in the first degree
Assault in the second degree	Assault of a child in the first degree
Assault of a child in the second degree	Burglary in the first degree

Hiếp dâm bậc một	Hiếp dâm bậc hai
Hiếp dâm trẻ con bậc một	Hiếp dâm trẻ con bậc hai
Sờ mó trẻ con bậc một	Cưỡng ép người khác có hành vi tình dục không đúng đắn
Bất cứ tội nào sau đây nếu tòa xác nhận có mục đích tình dục:	
Cố sát bậc một	Cố sát bậc hai
Hành hung gây án mạng	Bắt cóc bậc một

Bắt cóc bậc hai	Hành hung bậc một
Hành hung bậc hai	Hành hung trẻ con bậc một
Hành hung trẻ con bậc hai	Vào nhà phạm pháp bậc một

(ii) If this offense is a sex offense that is not listed in paragraph 6(f)(i), then in addition to sentencing me to a term of confinement, the judge may order me to serve up to one year of community custody if the total period of confinement ordered is not more than 12 months. If the period of confinement is over one year, or if my crime is failure to register as a sex offender, and this is my second or subsequent conviction of that crime, the judge will sentence me to community custody for 36 months or up to the period of earned release, whichever is longer. During the period of community custody to which I am sentenced, I will be under the supervision of the Department of Corrections, and I will have restrictions and requirements placed upon me, which may include electronic monitoring.

**(ii) Nếu tội phạm này là tội có liên quan đến tình dục không có ghi trong đoạn 6(f)(i), thì ngoài việc ra án tù, tòa có thể ra lệnh cho tôi phải bị quản chế trong vòng một năm nếu tổng cộng thời gian ở tù không quá 12 tháng. Nếu bản án quy định thời gian ở tù hơn một năm hoặc nếu tôi phạm tội là không đăng ký với tính cách người phạm tội có liên quan đến tình dục, và nếu đây là lần thứ hai trở đi bị kết án tội này, thì tòa sẽ buộc tôi phải chịu lệnh quản chế trong 36 tháng hay bằng thời gian được tha sớm vì hạnh kiểm tốt, tùy theo thời gian nào lâu hơn. Trong thời gian quản chế, tôi phải chịu sự giám sát của Sở Cải Huấn và phải tuân theo các giới hạn và yêu cầu của Sở, có thể gồm việc bị theo dõi bằng điện tử.

For sex offenses committed on or after March 20, 2006: For the following offenses and special allegations, the minimum term shall be either the maximum of the standard sentence range for the offense or 25 years, whichever is greater:

- 1) If the offense is rape of a child in the first degree, rape of a child in the second degree or child molestation in the first degree and the offense includes a special allegation that the offense was predatory.
- 2) If the offense is rape in the first degree, rape in the second degree, indecent liberties by forcible compulsion, or kidnapping in the first degree with sexual motivation and the offense includes special allegation that the victim of the offense was under 15 years of age at the time of the offense.
- 3) If the offense is rape in the first degree, rape in the second degree with forcible compulsion, indecent liberties with forcible compulsion, or kidnapping in the first degree with sexual motivation and this offense includes a special allegation that the victim of the offense was, at the time of the offense, developmentally disabled, mentally disordered, or a frail elder or vulnerable adult.

****Đối với những tội có liên quan đến tình dục đã phạm vào hoặc sau ngày 20 tháng 3, 2006:** Đối với những tội và những cáo buộc đặc biệt sau, thời gian ở tù tối thiểu sẽ hoặc là thời hạn tối đa của bản án tiêu chuẩn quy định cho tội đó hoặc là 25 năm, tùy theo án nào lâu hơn:

- 1) Nếu là tội hiếp dâm trẻ bậc một, hiếp dâm trẻ bậc hai hay sờ mó trẻ bậc một và tội này có sự cáo buộc đặc biệt là mang tính chất săn đuổi.
- 2) Nếu là tội hiếp dâm bậc một, hiếp dâm bậc hai, cưỡng ép người khác có hành vi tình dục không đứng đắn, hay bắt cóc bậc một với ý đồ tình dục và tội này có sự cáo buộc đặc biệt rằng nạn nhân chưa đến 15 tuổi khi sự kiện xảy ra.

- 3) Nếu là tội hiếp dâm bậc một, hiếp dâm bậc hai có dùng vũ lực, cưỡng ép người khác có hành vi tình dục không đúng đắn hoặc bắt cóc bậc một với ý đồ tình dục và tội này có sự cáo buộc đặc biệt rằng nạn nhân là một người chậm phát triển, có bệnh thần kinh, hoặc là người lớn tuổi yếu đuối hay người trưởng thành dễ bị tổn thương khi sự kiện xảy ra.

Community Custody Violation: If I violate the conditions of my community custody, the Department of Corrections may sanction me up to 60 days confinement per violation and/or revoke my earned early release, or the Department of Corrections may impose additional conditions or other stipulated penalties. The court also has the authority to impose sanctions for any violation.

****Vi Phạm Lệnh Quản Chế:** Nếu tôi vi phạm các điều kiện quản chế, Sở Cải Huấn có thể phạt tù đến 60 ngày cho mỗi vi phạm và/hoặc hủy bỏ thời gian giảm bớt án tù mà tôi đã có quyền hưởng, hay Sở Cải Huấn có thể đặt thêm điều kiện hay các hình phạt đã định trước. Tòa cũng có quyền áp đặt những hình phạt cho mỗi lần vi phạm.

- (g) The prosecuting attorney will make the following recommendation to the judge:

[] The prosecutor will recommend as stated in the plea agreement, which is incorporated by reference.

****Biện lý sẽ đưa đề nghị sau lên tòa:**

****[] Biện lý sẽ đề nghị như có ghi trong Tờ ưng thuận nhận tội, được hợp nhất vào văn bản này qua việc dẫn chiếu.**

- (h) **The judge does not have to follow anyone's recommendation as to sentence.** The judge must impose a sentence within the standard range unless the judge finds substantial and compelling reasons not to do so (except as provided in paragraph 6(f)). I understand the following regarding exceptional sentences:

****Tòa án không bắt buộc nghe theo lời đề nghị của bất cứ ai về bản án.** Tòa phải ra một bản án nằm trong giới hạn của bản án tiêu chuẩn trừ khi tòa xác nhận có lý do rõ rệt và chính đáng là không cần theo (trừ các trường hợp được nêu trong đoạn 6(f)). Tôi hiểu rằng những điều dưới đây áp dụng cho các bản án ngoại lệ:

- (i) The judge may impose an exceptional sentence below the standard range if the

judge finds mitigating circumstances supporting an exceptional sentence.

**Tòa có thể ra một bản án ngoại lệ dưới giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu tòa thấy có những trường hợp giảm khinh là đủ cơ sở để ra bản án ngoại lệ này.

- (ii) The judge may impose an exceptional sentence above the standard range if I am being sentenced for more than one crime and I have an offender score of more than nine.

**Tòa có thể ra một bản án ngoại lệ cao hơn giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu tôi bị kêu án nhiều hơn một tội và có số điểm phạm pháp trên 9.

- (iii) The judge may also impose an exceptional sentence above the standard range if the State and I stipulate that justice is best served by imposition of an exceptional sentence and the judge agrees that an exceptional sentence is consistent with and in furtherance of the interests of justice and the purposes of the Sentencing Reform Act.

**Tòa cũng có thể ra một bản án cao hơn giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu phía biện lý và tôi đồng ý rằng bản án ngoại lệ này là công bằng và tòa đồng ý là bản án ngoại lệ này phù hợp cho việc thi hành công lý theo mục đích của Đạo Luật Cải Cách Việc Kêu Án.

- (iv) The judge may also impose an exceptional sentence above the standard range if the State has given notice that it will seek an exceptional sentence, the notice states aggravating circumstances upon which the requested sentence will be based, and facts supporting an exceptional sentence are proven beyond a reasonable doubt to a unanimous jury, to a judge if I waive a jury, or by stipulated facts.

**Tòa cũng có thể ra một bản án ngoại lệ cao hơn giới hạn của bản án tiêu chuẩn nếu biện lý thông báo với tòa rằng họ sẽ yêu cầu bản án này, và trong thông báo ghi rõ các trường hợp gia trọng để làm căn cứ cho bản án được yêu cầu, và những yếu tố cho bản án ngoại lệ đã được chứng minh là sự thật không còn lý do hợp lý nào để nghi ngờ thông qua sự chấp nhận thống nhất của một bồi thẩm đoàn (hoặc một thẩm phán nếu tôi xin miễn xử án trước bồi thẩm đoàn) hoặc thông qua việc hai bên thỏa thuận rằng những yếu tố đó là sự thật.

If the court imposes a standard range sentence, then no one may appeal the sentence. If the court imposes an exceptional sentence after a hearing, either the State or I can appeal the sentence.

**Nếu tòa ra một bản án trong giới hạn của bản án tiêu chuẩn thì không có ai được chống án. Nếu tòa ra một bản án ngoại lệ sau một phiên tòa thì phòng biện lý hay tôi đều có quyền chống án.

- (i) **If I am not a citizen of the United States**, a plea of guilty to an offense punishable as a crime under state law is grounds for deportation, exclusion from admission to the United States, or denial of naturalization pursuant to the laws of the United States.

**Nếu tôi không phải là công dân Hoa Kỳ, việc nhận một khoản tội có thể bị phạt theo luật pháp tiểu bang thì đó có thể là lý do khiến tôi bị trục xuất, không cho trở lại nước Mỹ hay bị từ chối không cho nhập tịch theo luật pháp Hoa Kỳ.

- (j) **I may not possess, own, or have under my control any firearm**, and under federal law any firearm or ammunition, unless my right to do so is restored by the court in which I am convicted or the superior court in Washington State where I live, and by a federal court if

required. I must immediately surrender any concealed pistol license.

****Tôi không thể có, không thể sở hữu hay không thể sử dụng bất cứ loại súng nào, và theo luật liên bang thì không thể có bất kỳ loại súng đạn nào cả, trừ khi quyền có súng được phục hồi do tòa án kết án cho tôi hay do Tòa thượng thẩm tiểu bang Washington nơi tôi cư ngụ, và bởi tòa liên bang khi cần có lệnh của họ. Tôi phải tức khắc giao nộp giấy cho phép mang súng của tôi, nếu có.**

- (k) **Loss of voting rights –Acknowledgment, RCW 10.64.140:** After conviction of a felony, or entry of a plea of guilty to a felony, your right to vote is immediately revoked and any existing voter registration is cancelled. Pursuant to RCW 29A.08.520, after you have completed all periods of incarceration imposed as a sentence, and after all community custody is completed and you are discharged by the Department of Corrections, your voting rights are automatically restored on a provisional basis. You must then reregister to be permitted to vote.

Failure to pay legal financial obligations, or comply with an agreed upon payment plan for those obligations, can result in your provisional voting right being revoked by the court.

Your right to vote may be fully restored by (i) a certificate of discharge issued by the sentencing court, as provided in RCW 9.94A.637; (ii) a court order issued by the sentencing court restoring the right, as provided in RCW 9.92.066; (iii) a final order of discharge issued by the indeterminate sentence review board, as provided in RCW 9.96.050; or (iv) a certificate of restoration issued by the governor, as provided in RCW 9.96.020.

Voting before the right is either provisionally or fully restored is a class C felony under RCW 29A.84.660.

****Mất quyền bỏ phiếu–Chiếu theo RCW 10.64.140:** Sau khi bị kết án một tội đại hình hoặc sau khi nhận một tội đại hình, quý vị lập tức bị mất quyền bỏ phiếu và tên của quý vị trong danh sách cử tri, nếu có, sẽ bị gạt bỏ. Theo luật RCW 29A.08.520, sau khi quý vị hoàn tất toàn bộ thời hạn bị giam của theo bản án, và sau khi hoàn tất toàn bộ thời hạn quản chế cũng như được Sở Cải Huấn trả tự do, quyền bỏ phiếu của quý vị sẽ được tự động phục hồi trên căn bản tạm thời. Sau đó quý vị phải ghi danh vào danh sách cử tri trở lại.

Nếu không thanh toán các nghĩa vụ tài chánh, hoặc không thực hiện theo kế hoạch trả góp các nghĩa vụ tài chính như đã thỏa thuận, tòa án có thể tước đi quyền bỏ phiếu tạm thời của quý vị.

Quyền bỏ phiếu của quý vị có thể được phục hồi toàn bộ với (i) chứng chỉ phục hồi do toà kêu án ban hành chiếu theo luật RCW 9.94A.637; (ii) một án lệnh của toà kêu án cho phục hồi quyền này, chiếu theo luật RCW 9.92.066; (iii) một lệnh trả tự do chung cuộc của hội đồng tái xét bản án linh hoạt, chiếu theo luật RCW 9.96.050; hoặc (iv) một chứng chỉ phục hồi quyền bỏ phiếu do thống đốc cấp, chiếu theo luật RCW 9.96.020.

Việc bỏ phiếu trước khi quyền bỏ phiếu được phục hồi toàn bộ hay tạm thời là một tội đại hình loại C, theo luật 29A.84.660.

- (l) **Government assistance may be suspended** during any period of confinement.
****Trợ cấp của chính phủ có thể bị đình chỉ** trong thời gian ở tù.
- (m) **I will be required to register where I reside, study or work.** The specific registration requirements are described in the “Offender Registration” Attachment.
****Tôi phải đăng ký nơi cư trú, nơi đang học và nơi làm việc.** Những yêu cầu cụ thể về việc đăng ký có ghi trong phụ lục “Tờ Ghi Danh Người Phạm Pháp”.
- (n) **I will be required to have a biological sample** collected for purposes of DNA identification analysis, unless it is established that the Washington State Patrol crime laboratory already has a sample from me for a qualifying offense. I will be required to pay a \$100.00 DNA collection fee.
****Tôi phải cung cấp một mẫu sinh học** để có hồ sơ phân tích DNA, trừ khi phòng thử nghiệm của Sở Tuần Tra Tiểu Bang Washington đã có mẫu DNA của tôi trong một vụ trước. Tôi phải trả lệ phí \$100.00 cho việc thu thập mẫu DNA này.
- (o) **I will be required to undergo testing** for the human immunodeficiency (HIV/AIDS) virus.
****Tôi phải đi thử nghiệm** vi rút bệnh liệt kháng (HIV/AIDS).

Notification Relating to Specific Crimes: If any of the following paragraphs *DO NOT APPLY*, counsel and the defendant shall strike them out. The defendant and the judge shall initial all paragraphs that *DO APPLY*.

****Thông báo về một số tội cụ thể: Nếu đoạn nào dưới đây *KHÔNG ÁP DỤNG*, luật sư và bị can sẽ gạch bỏ đoạn đó. Bị can và Chánh án sẽ ký tắt tên vào tất cả những đoạn *ÁP DỤNG*.**

- _____ (p) **This offense is a most serious offense or “strike”** as defined by RCW 9.94A.030, and if I have at least two prior convictions for most serious offenses, whether in this state, in federal court, or elsewhere, the offense for which I am charged carries a mandatory sentence of life imprisonment without the possibility of parole. In addition, if this offense is (i) rape in the first degree, rape of a child in the first degree, rape in the second degree, rape of a child in the second degree, indecent liberties by forcible compulsion, or child molestation in the first degree, or (ii) murder in the first degree, murder in the second degree, homicide by abuse, kidnapping in the first degree, kidnapping in the second degree, assault in the first degree, assault in the second degree, assault of a child in the first degree, assault of a child in the second degree, or burglary in the first degree, with a finding of sexual motivation, or (iii) any attempt to commit any of the offenses listed in this sentence and I have at least one prior conviction for one of these listed offenses in this state, in federal court, or elsewhere, the offense for which I am charged carries a mandatory sentence of life imprisonment without the possibility of parole.
****Tội này là một tội nghiêm trọng nhất còn gọi là “strike”** theo định nghĩa trong luật RCW 9.94A.030, và nếu tôi có ít nhất hai tiền án thuộc loại tội nghiêm trọng nhất, cho dù trong tiểu bang này, ở tòa liên bang hay ở nơi khác, thì khoản tội tôi đang bị ghép sẽ có bản án tù chung thân bắt buộc mà không có khả năng được thả. Ngoài ra nếu tội này là: (i) hiếp dâm bậc một, hiếp dâm trẻ bậc một, hiếp dâm bậc hai, hiếp dâm trẻ bậc hai, cưỡng ép người khác có hành vi tình dục không đúng đắn, sờ mó trẻ bậc một, hay (ii) cố sát bậc một, cố sát bậc hai, hành hung gây án mạng, bắt cóc bậc một, bắt cóc bậc hai, hành hung bậc một, hành hung bậc hai, hành hung trẻ bậc một, hành hung trẻ bậc hai, hay vào nhà để phạm pháp bậc một và tòa án xác nhận là có mục đích tình dục, hoặc (iii) mưu toan phạm bất cứ tội nào ghi trong đoạn này và trước đây tôi có ít nhất một lần bị kết án về những tội trên tại tiểu

bang này, tại tòa liên bang hay tại nơi khác thì tôi đang bị ghép sẽ có bản án bắt buộc là tù chung thân và không có khả năng được thả.

_____ (q) **Special sex offender sentencing alternative:** In addition to other eligibility requirements under RCW 9.94A.670, to be eligible for the special sex offender sentencing alternative, I understand that I must voluntarily and affirmatively admit that I committed all of the elements of the crime(s) to which I am pleading guilty. I make my voluntary and affirmative admission in my statement in paragraph 11.

****Bản án đặc biệt khác cho người phạm tội có liên quan đến tình dục:** Ngoài các điều kiện khác có thể được áp dụng theo luật RCW 9.94A.670, nếu muốn hội đủ điều kiện hưởng bản án đặc biệt dành cho người phạm tội có liên quan đến tình dục thì tôi hiểu rằng tôi phải tình nguyện và quả quyết nhận rằng tôi đã phạm tất cả các yếu tố của (những) tội trạng mà tôi đang nhận. Tôi quả quyết và tự nguyện nhận tội theo lời khai của tôi trong đoạn 11.

For offenses committed before September 1, 2001: The judge may suspend execution of the standard range term of confinement under the special sex offender sentencing alternative (SSOSA) if I qualify under former RCW 9.94A.120(8) (for offenses committed before July 1, 2001) or RCW 9.94A.670 (for offenses committed on or after July 1, 2001). If the judge suspends execution of the standard range term of confinement, I will be placed on community custody for the length of the suspended sentence or three years, whichever is greater; I will be ordered to serve up to 180 days of total confinement; I will be ordered to participate in sex offender treatment; I will have restrictions and requirements placed upon me; and I will be subject to all of the conditions described in paragraph 6(e). Additionally, the judge could require me to devote time to a specific occupation and to pursue a prescribed course of study or occupational training. If a violation of the sentence occurs during community custody, the judge may revoke the suspended sentence.

****Đối với những tội đã phạm trước ngày 1 tháng 9, 2001:** Theo chương trình ra án đặc biệt dành cho người phạm tội có liên quan đến tình dục (SSOSA), tòa có thể đình chỉ thời hạn tù tiêu chuẩn nếu tôi hội đủ điều kiện theo luật cũ RCW 9.94A.120(8) (đối với những tội phạm trước ngày 1 tháng 7, 2001) hay RCW 9.94A.670 (đối với những tội phạm vào hay sau ngày 1 tháng 7, 2001). Nếu tòa đình chỉ việc thi hành mức phạt tù tiêu chuẩn, tôi sẽ bị quản chế trong suốt thời gian của bản án treo này hoặc ba năm, áp dụng thời gian nào lâu hơn; tôi phải bị giam có thể đến 180 ngày; tôi phải tham gia các lớp học dành cho người phạm tội có liên quan đến vấn đề tình dục; tôi sẽ có những giới hạn và những yêu cầu mà tôi phải tuân thủ; và tôi phải tuân theo tất cả những điều kiện trong đoạn 6(e). Ngoài ra, tòa có thể bắt buộc tôi phải dành thời giờ cho một công việc nhất định và phải theo một lớp học hay một khoá huấn nghệ nào đó. Nếu trong khi đang bị quản chế mà tôi vi phạm một điều kiện trong bản án, tòa có thể bãi bỏ bản án treo này.

For offenses committed on or after September 1, 2001: The judge may suspend execution of the standard range term of confinement or the minimum term of confinement under the special sex offender sentencing alternative (SSOSA) if I qualify under RCW 9.94A.670. If the judge suspends execution of the standard range term of confinement for a sex offense that is not listed in paragraph 6(f)(i), I will be placed on community custody for the length of the suspended sentence or three years, whichever is greater. If the judge suspends execution of the minimum term of confinement for a sex offense listed in paragraph 6(f)(i), I will be placed on community custody for the length of the statutory maximum sentence of the offense. In addition to the term of community custody, I will be ordered to serve up to 180 days of total confinement if I committed the crime prior to July

1, 2005, or up to 12 months with no early release if I committed the crime on or after July 1, 2005; I will be ordered to participate in sex offender treatment; I will have restrictions and requirements placed upon me, which may include electronic monitoring; and I will be subject to all of the conditions described in paragraph 6(e). Additionally, the judge could require me to devote time to a specific occupation and to pursue a prescribed course of study or occupational training. If a violation of the sentence occurs during community custody, the judge may revoke the suspended sentence.

****Đối với những tội đã phạm từ 1 tháng 9, 2001:** Theo chương trình ra án đặc biệt dành cho người phạm tội có liên quan đến tình dục (SSOSA), tòa có thể đình chỉ thời hạn tù tiêu chuẩn hay thời hạn tù tối thiểu nếu tôi hội đủ điều kiện theo luật RCW 9.94A.670. Nếu tòa đình chỉ việc thi hành mức phạt tù tiêu chuẩn đối với một tội có liên quan đến tình dục nhưng không có ghi trong đoạn 6(f)(i), tôi sẽ bị quản chế bằng thời hạn tù tối đa cho tội này. Ngoài thời gian bị quản chế, tôi phải ở tù có thể đến 180 ngày nếu đã phạm tội trước ngày 1 tháng 7, 2005 hoặc đến 12 tháng (không có khả năng được thả sớm) nếu đã phạm tội vào hoặc sau ngày 1 tháng 7, 2005; tôi phải tham gia lớp cải huấn cho người phạm tội về tình dục; tôi phải theo những quy định và giới hạn được đặt ra cho tôi, có thể gồm cả việc theo dõi bằng điện tử; và tôi phải tuân thủ tất cả các điều kiện ghi trong đoạn 6(e). Ngoài ra, tòa có thể bắt buộc tôi phải dành thời giờ cho một công việc nhất định và phải theo một lớp học hay một khoá huấn nghệ nào đó. Nếu trong khi đang bị quản chế mà tôi vi phạm một điều kiện trong bản án, tòa có thể bãi bỏ bản án treo này.

_____ (r) If this is a crime of domestic violence, the court may order me to pay a domestic violence assessment of up to \$100.00. If I, or the victim of the offense, have a minor child, the court may order me to participate in a domestic violence perpetrator program approved under RCW 26.50.150.

****Nếu tội này là loại tội dùng bạo lực trong gia đình, tôi có thể bị tòa ra lệnh trả phí phạt bạo lực trong gia đình đến \$100.00. Nếu tôi hoặc nạn nhân trong vụ này có con chưa thành niên, tòa có thể buộc tôi phải tham dự chương trình cố vấn cho người phạm tội bạo lực trong gia đình được chấp thuận theo luật RCW 26.50.150.**

_____ (s) If I am subject to community custody and the judge finds that I have a chemical dependency that has contributed to the offense, the judge may order me to participate in rehabilitative programs or otherwise to perform affirmative conduct reasonably related to the circumstances of the crime for which I am pleading guilty.

****Nếu trong thời gian quản chế tòa thấy rằng tôi bị nghiện ma túy/rượu và tình trạng này đã góp phần vào việc tôi phạm tội, tòa có thể ra lệnh cho tôi phải tham gia chương trình cai nghiện hay thực hiện những hành động tích cực có liên quan hợp lý đến các tình tiết xung quanh tội phạm nêu trong tờ nhận tội này.**

_____ (t) I understand that RCW 46.20.285(4) requires that my driver's license be revoked if the judge finds I used a motor vehicle in the commission of this felony.

****Tôi hiểu rằng luật RCW 46.20.285(4) quy định việc thu hồi bằng lái xe của tôi nếu tòa thấy rằng tôi đã dùng xe hơi trong việc phạm tội đại hình này.**

_____ (u) If I am pleading guilty to felony driving under the influence of intoxicating liquor, or any drugs, or felony actual physical control of a motor vehicle while under the influence of intoxicating liquor, or any drug, in addition to the provisions of chapter 9.94A RCW, I will be required to undergo alcohol or chemical dependency services during incarceration. I will be required to pay the costs of treatment unless the court finds that I am indigent. My

driving privileges will be suspended, revoked, or denied. Following the period of suspension, revocation, or denial, I must comply with the Department of Licensing ignition interlock device requirements. In addition to any other costs of the ignition interlock device, I will be required to pay an additional fee of \$20 per month.

****Nếu tôi nhận tội đại hình về lái xe trong khi say rượu hay say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, hay tội đại hình về thực sự điều khiển xe trong khi say rượu hay say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, thì ngoài những điều kiện ghi trong đoạn 9.94A RCW, tôi còn phải tham gia chương trình cai nghiện trong thời gian bị giam. Tôi phải chịu trách nhiệm về phí tổn cai nghiện trừ khi tòa thấy rằng tôi là người túng thiếu. Quyền được lái xe của tôi sẽ bị treo, bị thu hồi hay bị từ chối. Sau thời hạn treo, thu hồi hay từ chối bằng lái đã hết thì tôi vẫn phải tuân thủ các yêu cầu của Nha Lộ Vận về việc lắp đặt và sử dụng máy đo độ rượu trong xe. Ngoài phí tổn của việc lắp máy này, tôi phải trả thêm phí \$20.00 mỗi tháng.**

_____ (v) For the crimes of vehicular homicide committed while under the influence of intoxicating liquor, or any drug as defined by RCW 46.61.520 or for vehicular assault committed while under the influence of intoxicating liquor, or any drug as defined by RCW 46.61.522, or for any felony driving under the influence (RCW 46.61.502(6)), or felony physical control under the influence (RCW 46.61.504(6)), the court shall add 12 months to the standard sentence range for each child passenger under the age of 16 who is an occupant in the defendant's vehicle. These enhancements shall be mandatory, shall be served in total confinement, and shall run consecutively to all other sentencing provisions.

****Đối với tội gây án mạng bằng xe trong khi say rượu hoặc say bất cứ loại thuốc/ma túy nào theo định nghĩa của luật RCW 46.61.520, hoặc tội gây thương tích bằng xe trong khi say rượu hoặc say bất cứ loại thuốc/ma túy nào theo định nghĩa của luật RCW 46.61.522, hoặc bất cứ tội đại hình nào về lái xe trong khi bị say rượu hay thuốc (RCW 46.61.502(6)), hoặc tội đại hình về thực sự điều khiển xe trong khi say rượu hay say thuốc (RCW 46.61.504(6)), tòa sẽ cộng thêm 12 tháng tù vào thời hạn của bản án tiêu chuẩn cho mỗi đứa trẻ dưới 16 tuổi ngồi trong xe của bị can. Khoảng tù gia tăng này là thời hạn ở tù bắt buộc và phải thi hành hoàn toàn trong tù giam, và thụ án nối tiếp với tất cả các điều kiện khác trong bản án.**

_____ (w) For the crimes of felony driving under the influence of intoxicating liquor, or any drug, for vehicular homicide while under the influence of intoxicating liquor, or any drug, or vehicular assault while under the influence of intoxicating liquor, or any drug, the court may order me to reimburse reasonable emergency response costs up to \$2,500 per incident.

****Đối với tội đại hình về lái xe trong khi say rượu hay say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, hoặc tội gây án mạng bằng xe trong khi say rượu hay say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, hoặc tội gây thương tích bằng xe trong khi say rượu hoặc say bất cứ loại thuốc/ma túy nào, tòa có thể ra lệnh cho tôi phải bồi thường tiền xe cứu thương ở mức hợp lý, có thể lên đến \$2,500 cho mỗi vụ.**

_____ (x) The crime of _____ has a mandatory minimum sentence of at least _____ years of total confinement. This law does not apply to crimes committed on or after July 24, 2005, by a juvenile who was tried as an adult after decline of juvenile court jurisdiction. The law does not allow any reduction of this sentence. This mandatory minimum sentence is not the same as the mandatory sentence of life imprisonment without the possibility of parole described in paragraph 6[p].

****Tội _____ có bản án tối thiểu bắt buộc là ít nhất _____ năm tù ở. Luật**

này không áp dụng cho những tội phạm vào hoặc sau ngày 24 tháng 7 năm 2005 của một trẻ vị thành niên bị xử với tư cách người trưởng thành sau khi bị tòa thiếu niên từ chối. Luật pháp không cho phép giảm bản án. Bản án bắt buộc tối thiểu này không phải là bản án tù chung thân bắt buộc mà không có khả năng được tha tù sớm như được nêu trong đoạn 6[n].

- _____ (y) I am being sentenced for two or more serious violent offenses arising from separate and distinct criminal conduct and the sentences imposed on counts _____ and _____ will run consecutively unless the judge finds substantial and compelling reasons to do otherwise.
**Tôi đang bị kêu án về hai (hay nhiều hơn) tội sử dụng bạo lực trầm trọng liên quan đến các hành động phạm pháp riêng lẻ khác nhau, và bản án của các khoản tội số _____ và số _____ sẽ được thụ án tiếp nối trừ khi tòa thấy rằng có lý do rõ ràng và chính đáng là phải làm khác.
- _____ (z) I may be required to register as a felony firearm offender under RCW 9.41.330 and RCW 9.41.333. The specific registration requirements are in the “Felony Firearm Offender Registration” Attachment.
**Tôi có thể sẽ bị buộc phải ghi danh là người phạm tội đại hình vì súng ống theo luật RCW 9.41.330 và RCW 9.41.333. Những yêu cầu cụ thể về việc ghi danh được liệt kê trong Phụ Lục “Tờ Ghi Danh Người Phạm Tội Đại Hình về Súng Ống”.
- _____ (aa) The offense(s) I am pleading guilty to include(s) a deadly weapon, firearm or sexual motivation enhancement. Deadly weapon, firearm, or sexual motivation enhancements are mandatory, they must be served in total confinement, and they must run consecutively to any other sentence and to any other deadly weapon, firearm, or sexual motivation enhancements.
**(Những) tội tôi nhận bị gia tăng mức phạt vì lý do có vũ khí gây tử vong, súng ống, hay có mục đích tình dục. Các điều khoản gia tăng mức phạt vì vũ khí gây tử vong, súng ống hay có mục đích tình dục đều là bắt buộc. Thời hạn tù gia tăng này phải được thi hành trọn vẹn trong tù và sẽ là thời gian tù nối tiếp theo bất cứ bản án nào khác và theo sau bất cứ sự gia tăng nào khác vì có vũ khí gây tử vong, súng ống, hay có mục đích tình dục.
- _____ (bb) **For crimes committed on or after July 22, 2007:** If I am pleading guilty to rape of a child in the first, second, or third degree or child molestation in the first, second or third degree, and I engaged, agreed or offered to engage the victim in sexual intercourse or sexual contact for a fee, or if I attempted, solicited another, or conspired to engage, agree or offer to engage the victim in sexual intercourse or sexual contact for a fee, then a one-year enhancement shall be added to the standard sentence range. If I am pleading guilty to more than one offense, the one-year enhancement must be added to the total period of total confinement for all offenses, regardless of which underlying offense is subject to the enhancement.
****Đối với những tội phạm vào hoặc sau ngày 22 tháng 7, 2007:** Nếu tôi nhận tội hiếp dâm trẻ bậc một, bậc hai hay bậc ba hoặc tội sờ mó trẻ bậc một, bậc hai hay bậc ba, và tôi đã tham dự, đồng ý hay đề nghị nạn nhân tham dự hành động giao hợp hay có hành vi tình dục để kiếm tiền, hoặc tôi có mưu toan, có khuyến dụ người khác, hay có âm mưu tham dự, đồng ý, hay đề nghị nạn nhân tham dự hành động giao hợp hay có hành vi tình dục để kiếm tiền, thì tòa sẽ gia tăng thêm một năm tù vào bản án tiêu chuẩn. Nếu tôi nhận nhiều hơn một tội, thì việc gia tăng một năm này sẽ được cộng vào tổng số thời gian ở tù cho tất cả các khoản tội, không cần biết là tội nào thuộc loại có gia tăng.

_____ (cc) If I am pleading guilty to patronizing a prostitute or commercial sexual abuse of a minor, a condition of my sentence will be that I not be subsequently arrested for patronizing a prostitute or commercial sexual abuse of a minor. The court will impose crime-related geographical restrictions on me, unless the court finds they are not feasible. If this is my first offense, the court will order me to attend a program designed to educate me about the negative costs of prostitution.

**Nếu tôi nhận tội tìm gái điếm hay lợi dụng trẻ trong việc mua bán tình dục, một trong những điều kiện nằm trong bản án là tôi không được để bị bắt về tội tìm gái điếm hay lợi dụng trẻ con trong mục đích mua bán tình dục nữa. Tòa sẽ áp đặt những giới hạn về địa dư trong bản án, trừ khi tòa thấy không thể thực hiện được. Nếu đây là lần đầu tiên tôi phạm tội này, tòa sẽ buộc tôi phải tham dự một chương trình giáo dục về những tác hại của việc mại dâm.

7. I plead guilty to count(s) _____ as charged in the _____ Information, dated _____. I have received a copy of that Information and reviewed it with my lawyer.
**Tôi nhận tội _____ theo giấy thông báo tội trạng _____ đề ngày _____. Tôi đã có bản sao của giấy thông báo tội trạng và luật sư đã giải thích cho tôi.

8. I make this plea freely and voluntarily.
**Tôi nhận tội một cách tự do và tự nguyện.

9. No one has threatened harm of any kind to me or to any other person to cause me to make this plea.
**Không có ai hăm dọa làm hại dưới bất cứ hình thức nào cho tôi hay cho bất cứ ai khác để khiến tôi phải nhận tội này.

10. No person has made promises of any kind to cause me to enter this plea except as set forth in this statement.
**Không có ai hứa hẹn bất cứ điều gì để tôi nhận tội trừ những điều đã ghi trong giấy nhận tội này.

11. The judge has asked me to state what I did in my own words that makes me guilty of this crime. This is my statement:

[] Instead of making a statement, I agree that the court may review the police reports and/or a statement of probable cause supplied by the prosecution to establish a factual basis for the plea.

**Tòa yêu cầu tôi viết ra bằng chính ngôn ngữ của tôi về việc tôi đã làm để phải bị tội này. Đây là lời khai của tôi.

[] **Thay vì viết lời khai, tôi đồng ý để tòa có thể xem biên bản của cảnh sát và/hoặc tờ khai xác định đủ lý do bắt tội từ phía biện lý để thiết lập căn cứ cho việc nhận tội.

12. My lawyer has explained to me, and we have fully discussed, all of the above paragraphs and the "Offender Registration" Attachment, and, if applicable, the "Felony Firearm Offender Registration" Attachment. I understand them all. I have been given a copy of this "Statement of Defendant on Plea of Guilty." I have no further questions to ask the judge.

**Luật sư của tôi đã giải thích cho tôi, và chúng tôi đã bàn bạc đầy đủ tất cả các đoạn trên cùng với các phụ lục "Tờ Ghi Danh Người Phạm Pháp" và "Tờ Ghi Danh Người Phạm Tội Đại Hình về Súng Ống" (nếu có), và tôi đã hiểu rõ tất cả. Tôi đã nhận một bản sao "Tờ Khai Của Bị Can Về Việc Nhận Tội" này. Tôi không có câu hỏi nào khác để hỏi tòa.

Defendant /**Bị can

I have read and discussed this statement with the defendant and believe that the defendant is competent and fully understands the statement.
**Tôi đã đọc và bàn luận về văn kiện này với bị can và tin rằng bị can có đủ trí khôn và đã hiểu hoàn toàn văn kiện này.

Prosecuting Attorney
**Biện lý

Defendant's Lawyer
**Luật sư biện hộ

Print Name WSBA No.
**Ghi rõ tên ** Giấy hành nghề số

Print Name WSBA No.
**Ghi rõ tên **Giấy hành nghề số

The defendant signed the foregoing statement in open court in the presence of the defendant's lawyer and the undersigned judge. The defendant asserted that [check appropriate box]:

**Bị can đã ký tờ khai trên trong một phiên tòa công khai trước mặt luật sư của bị can và chánh án ký tên dưới đây. Bị can đã quả quyết rằng (đánh dấu vào ô thích hợp):

- (a) The defendant had previously read the entire statement above and that the defendant understood it in full;
**Bị can đã đọc toàn bộ tờ khai trên trước đây và hiểu hoàn toàn tờ khai này;
- (b) The defendant's lawyer had previously read to him or her the entire statement above and that the defendant understood it in full; or
**Luật sư của bị can đã đọc toàn bộ tờ khai trên cho bị can và bị can hiểu hoàn toàn tờ khai này;
hay

- (c) An interpreter had previously read to the defendant the entire statement above and that the defendant understood it in full. The Interpreter's Declaration is attached.
**Một thông dịch viên đã đọc cho bị can toàn bộ tờ khai trên và bị can hiểu hoàn toàn. Dưới đây là tuyên bố của thông dịch viên.

Interpreter's Declaration: I am an AOC court certified Vietnamese interpreter in the state of Washington. I have translated and read this document for the defendant from English into Vietnamese. The defendant has acknowledged his or her understanding of both the translation and the subject matter of this document. I certify under penalty of perjury under the laws of the state of Washington that the foregoing is true and correct.

**** Tuyên bố của Thông dịch viên:** Tôi là thông dịch viên hữu thệ tại tiểu bang Washington được Phòng Quản Trị các toà án chứng nhận. Tôi đã phiên dịch và thông dịch văn kiện này từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Bị can đã công nhận rằng đã hiểu rõ phần phiên dịch và nội dung của văn kiện này. Tôi cam đoan trước pháp luật của tiểu bang Washington là những gì nêu trên đều là sự thực và chính xác.

Signed at (city) _____, (state) _____, on (date) _____.
**Ký tại (thành phố) (tiểu bang) vào (ngày)

Interpreter/**Thông dịch viên

Print Name/ **Viết rõ tên

I find the defendant's plea of guilty to be knowingly, intelligently and voluntarily made. Defendant understands the charges and the consequences of the plea. There is a factual basis for the plea. The defendant is guilty as charged.

**Tôi thấy rằng bị can đã nhận tội một cách có hiểu biết, sáng suốt và tự nguyện. Bị can hiểu rõ tội trạng và hậu quả của việc nhận tội. Lời nhận tội có đầy đủ căn cứ. Bị can có tội theo cáo trạng.

Dated : _____
**Ngày:

Judge /**Chánh Án